

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH YÊN BÁI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày 12-6-2025.
V/v: Ly hôn và nuôi con chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hà Thị Bàn

Bà Trần Thị Đàm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Quyên- Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái: Bà Nguyễn Thị Thu Hà- Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025, về việc “Ly hôn và nuôi con chung”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2025/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị Mai H sinh ngày 09/12/1994; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Bản C, xã HC, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đức T sinh ngày 18/08/1993; vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Bản C, xã HC, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Hiện đang đi xuất khẩu tại Nhật Bản nhưng không rõ địa chỉ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 3 năm 2025, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn bà Đoàn Thị Mai H trình bày:

Bà Đoàn Thị Mai H đăng ký kết hôn với ông Nguyễn Đức T vào ngày 22 tháng 11 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã HC, huyện TY, tỉnh Yên Bái, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, lý do là ông T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, thời gian đầu thì có liên lạc, nhưng sau đó đến năm 2021 thì không còn liên lạc với nhau. Đến nay bà H cũng không biết địa chỉ cụ thể của ông T, gia đình ông T cũng giấu địa chỉ nên bà H không thể cung cấp được địa chỉ chính xác của ông T tại Nhật Bản. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng đã hết, xin được ly hôn ông Nguyễn Đức T.

Về con chung: Bà Đoàn Thị Mai H và ông Nguyễn Đức T có 02 người con chung là Nguyễn Ngọc A sinh ngày 26/02/2015 và Nguyễn Phương V sinh ngày 18/03/2019. Khi ly hôn, bà H có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết, bà Đoàn Thị Mai H xác định ông Nguyễn Đức T đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, nhưng không cung cấp được địa chỉ cụ thể. Tòa án đã 02 lần đề nghị ông Nguyễn Mạnh B và bà Lê Thị X là bố mẹ đẻ ông T (Địa chỉ: Thôn Bản C, xã HC, huyện TY, tỉnh Yên Bái) cung cấp địa chỉ và thông báo thông tin vụ án cho ông T nhưng cũng không có kết quả.

Toà án nhân dân tỉnh Yên Bái đã ban hành văn bản số 108/CV-TA ngày 28-3-2025 đề nghị Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Yên Bái cung cấp thông tin xuất, nhập cảnh của ông Nguyễn Đức T. Tại văn bản số 376/QLXNC-Đ1 ngày 01-4-2025 của Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh Yên Bái thể hiện: Qua tra cứu dữ liệu trên hệ thống quản lý xuất nhập cảnh trường hợp công dân Nguyễn Đức T sinh ngày 18/8/1993, CMND số 060962894; HKTT: Thôn Bản C, xã HC, huyện TY, tỉnh Yên Bái được cấp hộ chiếu số C6860722 ngày 05/3/2019. Xuất cảnh sang Nhật Bản gần nhất ngày 13/9/2019 qua sân bay quốc tế Nội Bài hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái đã thực hiện thông báo công khai về việc thụ lý, ngày mở phiên họp, ngày mở phiên tòa giải quyết vụ án ly hôn giữa bà H và ông T trên Báo Công lý, Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV5) và trên Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân nhưng đến nay ông T vẫn vắng mặt, không gửi giấy tờ, tài liệu, lời khai để giải quyết việc ly hôn theo yêu cầu của Tòa án.

Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, các thành viên khác trong Hội đồng xét xử và nguyên đơn trong quá trình chuẩn bị xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147; các Điều 149, 180,

khoản 1 Điều 238, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Mai H

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Mai H được ly hôn ông Nguyễn Đức T.

- Về con chung: Giao cho bà Đoàn Thị Mai H được nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Ngọc A sinh ngày 26/02/2015 và Nguyễn Phương V sinh ngày 18/03/2019. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập giải quyết.

- Về án phí và chi phí tố tụng: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án về hôn nhân gia đình có đương sự trên địa bàn tỉnh Yên Bái đang cư trú tại nước ngoài, nên Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự

Bị đơn ông Nguyễn Đức T đã xuất cảnh sang Nhật Bản nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án đã áp dụng các biện pháp để xác minh địa chỉ của bị đơn nhưng không có kết quả. Tòa án cũng đã thực hiện thông báo công khai về việc thụ lý, ngày mở phiên họp, ngày mở phiên tòa giải quyết vụ án ly hôn giữa bà H và ông T trên Báo Công Lý, Đài Tiếng nói Việt Nam và trên Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân, nhưng ông T vẫn vắng mặt, không cung cấp giấy tờ, tài liệu, lời khai để giải quyết việc ly hôn theo yêu cầu của Tòa án. Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp bị đơn giấu địa chỉ, nên vụ án được giải quyết xét xử vắng mặt bị đơn.

Bà Đoàn Thị Mai H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự,

[2] Xét yêu cầu của Bà Đoàn Thị Mai H xin được ly hôn ông Nguyễn Đức T, Hội đồng xét xử thấy: Bà H và ông T là vợ chồng có Đăng ký kết hôn ngày 22 tháng 11 năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã HC, huyện TY, tỉnh Yên Bái trên cơ sở tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì ông T đi xuất khẩu lao động sang Nhật Bản, thời gian đầu bà H và ông T còn giữ liên lạc, nhưng từ năm 2021 đến nay vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa, cũng không còn quan tâm đến nhau. Mặt khác thì ông T và bố, mẹ đẻ của ông T cũng giấu địa chỉ của ông T ở nước ngoài không cho bà H biết. Như vậy đã đủ căn

cứ kết luận từ thời điểm năm 2021, đời sống hôn nhân giữa bà Hương và ông T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà Đoàn Thị Mai H được ly hôn ông Nguyễn Đức T.

[3] Về con chung: Bà Đoàn Thị Mai H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Ngọc A sinh ngày 26/02/2015 và Nguyễn Phương V sinh ngày 18/03/2019, không yêu cầu ông T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét nguyện vọng của bà H là phù hợp hoàn cảnh thực tế là các con chung còn nhỏ, cần có người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; hiện tại không xác định được địa chỉ và khả năng nuôi con của ông T, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi cả hai con như nguyện vọng của bà H. Đối với việc bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận trong bản án.

[4] Về Tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chi phí tố tụng: Bà Đoàn Thị Mai H phải chịu lệ phí đăng thông tin trên Báo và Đài phát thanh Trung ương (theo phiếu thu) là 4.500.000 đồng. Xác nhận bà H đã nộp đủ chi phí tố tụng.

[6] Về án phí: Bà Đoàn Thị Mai H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 469, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Mai H được ly hôn ông Nguyễn Đức T.
2. Về con chung: Giao cho bà Đoàn Thị Mai H trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là Nguyễn Ngọc A sinh ngày 26/02/2015 và Nguyễn Phương V sinh ngày 18/03/2019. Ông Nguyễn Đức T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về chi phí tố tụng: Bà Đoàn Thị Mai H phải chịu lệ phí đăng thông tin trên Báo và Đài phát thanh Trung ương (theo phiếu thu) là 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Xác nhận bà H đã nộp đủ chi phí tố tụng.

4. Về án phí: Bà Đoàn Thị Mai H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2024/0001727 ngày 21 tháng 3 năm 2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Yên Bái. Bà H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Đoàn Thị Mai H được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án. Bị đơn ông Nguyễn Đức T vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày Bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT3-TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- Cục THADS tỉnh Yên Bái;
- UBND xã HC, H. TY;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Trung Dũng